3

Đề ra phương pháp phân tích tiềm năng của việc xây dựng hòa bình Phật giáo

Mark Owen

Thích Nữ Hạnh Minh dịch

Mở đầu

Nhà kinh tế học Paul Collier đã chỉ ra một cách thuyết phục rằng "chiến tranh là sự phát triển nghịch" (2004), và có một điều được công nhận rộng rãi rằng sự phát triển hiệu quả và bền vững đóng vai trò thiết yếu giúp ngăn ngừa xung đột ngầm và bạo loạn.[1]Xung đột ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế, sự đói nghèo, giáo dục, sức khỏe và môi trường do cơ sở hạ tầng bị phá hoại, an toàn và phát triển con người bị đe dọa và dân số bị thay đổi. Cựu Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Boutros Ghali trong bản thảo báo cáo năm 1992 "Kế hoạch Hòa Bình" là một trong những người đầu tiên đã chỉ ra mối liên kết giữa xung đột và phát triển: "chỉ có sự hợp tác bền vững để giải quyết những vấn đề về

1. Brahm, Eric. "Latent Conflict Stage."*Beyond Intractability*.Eds. Guy Burgess and Heidi Burgess.Conflict Information Consortium, University of Colorado, Boulder. Posted: September 2003 http://www.beyondintractability.org/essay/latent-conflict

kinh tế, xã hội, văn hóa và nhân đạo mới có thể đặt nền móng lâu dài cho hòa bình". [2]Với việc thành lập Hội đồng xây dựng hòa bình, Văn phòng hỗ trợ xây dựng hòa bình và Quỹ xây dựng hòa bình vào năm 2005, Liên Hiệp Quốc nhấn mạnh đến việc cam kết phát triển chiến lược và cơ chế toàn diện để xây dựng hòa bình. Ngày nay mọi người đều công nhận rằng nỗ lực chủ động và lâu dài nhằm xây dựng hòa bình là những nhân tố không thể thiếu trong việc xây dựng và duy trì thành quả đạt được thông qua chương trình "Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ".

Trên cơ sở những sự phát triển này, bài viết này nhằm tìm hiểu xem các nhà Phật họcvà Phật giáo có thể đóng góp như thế nào để nâng cao hiệu quả của quá trình xây dựng hòa bình, và từ đó góp phần đạt mục tiêu đã được chương trình Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ đề ra. Dựa vào các công trình của những nhà nghiên cứu Phật học và xây dựng hòa bình tôn giáo có sử dụng tài liệu điển cứu từ các nước Nepal, Sri Lanka, Trung Quốc / Tây Tạng, nhiều người đã tranh cãi rằng trong các công trình nghiên cứu trước đây về Phật học, xung đột và kiến tạo hòa bình thường đưa ra các tình huống được chọn lựa và đơn giản hóa, vì vậy không thể mô tả chính xác những tính chất phức tạp của các tình huống xung đột đang tồn tại. Thêm vào đó, việc phân tích và tìm hiểu ngữ cảnh của xung đột là hết sức quan trọng, nhưng hầu như rất ít nghiên cứu đề cập đến việc chúng ta nên tìm ra những hướng giải quyết thiết thực các xung đột và căng thẳng trong công việc xây dựng hòa bình tôn giáo. Để khắc phục những bất cập này, một cơ sở phương pháp mới, tiến bộ được đưa ra nhằm đánh giá và phân tích tiềm năng của việc xây dựng hòa bình Phật giáo trong một xung đột hay bối cảnh cụ thể nào đó.Việc quan sát sẽ được tiến hành ở các lĩnh vực khác nhau trong việc xây dựng hòa bình Phật giáo, điều này cần được tìm hiểu và làm rõ hơn nữa.

Những vấn đề và tiềm năng của sự "kiến tạo hòa bình theo Phật giáo"

Từ trước đến nay Phật giáo luôn được xem là 'tôn giáo của hòa bình', và đã có nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo, cách giải pháp giải quyết xung đột, kiến tạo hòa bình nhằm chứng minh quan điểm này.

2. Tham khảo www.unrol.org/files/A_47_277.pdf

[3]Vì chưa bao giờ thiết lập học thuyết 'chiến tranh chính nghĩa' [4]hay công khai ủng hộ bạo lực như một phương tiện giải quyết xung đột và tranh cãi, nên việc lồng ghép quan điểm học thuyết và triết học xây dựng cơ sở với Phật học vào việc xây dựng hòa bình và chuyển hóa xung đột là tương đối dễ dàng.

Một số ví dụ cụ thể là: các trạng thái tinh thần và các điều kiệndẫn đến bạo lựcvà giết người đã bị chỉ tríchtrongcácnghiêncứuđầutiên (Bartholomeusz, 2002:52). Chính Đức Phật đã được sử dụng như một tấm gương của hòa bình phi bạo lực trong hành động của mình với Devadatta (Niwano, 1982); trong cuộc đàm đạo với kẻ sát nhân nổi tiếng Angulimala; [5]và khéo léo ngăn chặn được cuộc bạo loạn giữa Sakyas và Koliyas trong cuộc tranh cãi của họ về các nguồn nước của sông Rohini.[6] Ngũ giới thường được xem là quan điểm tiêu biểu của sự tận tâm vì hòa bình của Đức Phật và đặc biệt tuyệt đối hạn chế sát sanh. Khái niệm từ bi được hiểu rằng là Phật tử thì chúng ta nên đem hết lòng yêu thương giúp đỡ những người khó khăn.

Ngoài ra, tư tưởng bồ tát đã được xem là một khái niệm về sự cam kết của những người theo đạo Phật với việc phi bạo lực và mở rộng lòng từ bi, và như là biểu tượng để hiểu Phật giáo giúp cứu vớt linh hồn của các loài hữu tình và cả thế giới xung quanh. Như Cynthia Sampson nói rằng những người theo đạo Phật "có khuynh hướng theo đuổi các giải pháp chống xung đột bằng các lời dạy củađạo Phật" (Zartman, 2007). Phong trào phi bạo lực được xã hội biết đến và các bậc thầy và nhà hoạt động Phật học nổi tiếng như Thích Nhất Hạnh và SulakSivaraksa đã dùng những khái niệm như tìm nguồn gốc của chấp ngã để tìm hiểu các hình thức Phật học đã xâm nhập vào xã hội. Thật ra, có một số người theo đạo Phật được thế giới biết đến xứng đáng được đánh giá cao về công trình xây dựng hòa bình và nhân đạo; đơn cử là ngài MahaGhosanada từ Cam-pu-chia; Tỳ kheo Buddhahasatừ

3. Thao khảm ví dụ ở Chappell 1999; Der-lan Yeh 2006; McConnell 1995; Morris 2000; Mun 2007; Sivaraksa 1192, 2005; Thich Nhat Hanh 1991, 2008; amongst others.

4. Tham khảo Frydenlund in Tikhonov & Brekke 2013: 102-3.

5. Thao khảo the Angulimala Sutta in the Majjhima Nikaya

6. The commentaries of the Anguttara Nikaya and the Samyutta Nikaya recount these instances.

Thái Lan; Dalai Lama; Aung San Suu Kyi; Daisaku Ikeda. Ngày càng có nhiều tổ chức Phật giáo tham gia vào các công trình kiềm chế bạo lực và xây dựng hòa bình (ví dụ như Mạng lưới Hòa Bình Phật giáo, Mạng lưới các Phật tử, Trung tâm Tibetan ngăn chặn Xung đột, Niềm tin Karuna, v.v.). Người ta cho rằng Phật giáo sở hữu công cụ thiên phú đểngăn ngừa và chuyển hóa bạo lực,chẳng hạn như việc thực tập chánh niệm giúp nhận ra và ngăn ngừa các biến cố cảm xúc là nguyên nhân dẫn đến bạo lực (McConnell, 1995).

Chúng tôi không thể tóm tắt hết được các nghiên cứu về việc xây dựng hòa bình Phật giáo trong bài viết này.Bài viết này chỉ mong muốn chỉ ra được rằng đối với nhiều học giả và hành giả, triết lý và thực tế của đạo Phật đã được nhiều người cho rằng đồng nghĩa với các nguyên lý về xây dựng hòa bình và chuyển hóa bạo lực.Ngược lại, chúng ta có thể tìm đọc được những nghiên cứu đưa ra những lý giải trái ngược hoàn toàn.Trong những năm gần đây đã có nhiều nghiên cứu hơn về tôn giáo, bạo lực và chiến tranh; và Phật học không phải là ngoại lệ. Iselin Frydenlundhas cho rằng những giá trị tiêu biểu của Phật học và hòa bình đã bị hiểu nhầm (Tikhonov & Brekke, 2013), và theo những chú thích của Juergensmeyer thì những ví dụ trong quá khứ và đương đại cho thấy các quốc gia theo Phật giáo không còn xa lạ với chiến tranh (Jerryson&Juergenmeyer, 2009).

Có thể cho rằng Phật giáo cũng liên quan đến một số các cuộc bạo loạn. Các nghiên cứu đã cho thấy giáo lý và tăng đoàn Phật giáo có ảnh hưởng bảo thủ đáng kể trong xã hội, và duy trì cơ cấu quyền lực và cưỡng chế theo chiều dọc. Ví dụ, Catherine Morris (2000) đã lập luận rằng ở Campuchia sự bất bình đẳng xã hội đã được chấp nhận về mặt lịch sử như là hậu quả của "nghiệp" và kết quả là sự đặc quyền của những người có quyền lực và giàu có được xem như là phần thưởng của cuộc sống trong quá khứ; trong khi người nghèo, người tàn tật, hoặc những người khốn khó phải chịu đựng đau khổ vì những hành động xấu mà họ gây ra ở kiếp trước.Cũng tại Campuchia, trước đây các nhà lãnh đạo chính phủ và tôn giáo cũng rút ranhững lời chỉ trích từ những người ủng hộ và vận động nhân quyền.Các tranh luận cho rằng các khái niệm "tha thứ" của Phật giáo trong việc đối phó và ân xá các cựu lãnh đạo Khmer Đỏ đã cho phép thủ phạm thoát khỏi bị trừng phạt và thực sự trong một số trường hợp thủ phạm không tỏ vẻ ăn năn. Tương tự, ChaiwatSatha cho rằng mong muốn giải quyết vấn đề

xã hội và cấu trúc ở Thái Lanđã bị ảnh hưởng ít nhiều bởi lời giải thích mang tính định mệnh của học thuyết "vô thường" (Mun, 2007).David Chappell (1999) cũng đã lập luận rằng ở mức độ siêu hình, học thuyết "vô ngã" sẽ làm suy yếu các khái niệm về quyền cá nhân con người.

Ngoài ra Eva Neumaier cho rằng lý tưởng Phật giáo của A La Hán và xu hướng nội hóa các vấn đề và những hậu quả nghiệp báo có thể bị cho rằng làm giảm tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động xã hội và chính trị (Coward & Smith, 2004). Phật giáo như nhiều tôn giáo khác cũng có một lịch sử bạo lực và phân biệt đối xử đối với phụ nữ và hiện vẫn còn tồn tại ở nhiều quốc gia và nền văn hóa.[7] Hơn nữa, Neumaier chỉ ra sự gắn kết chặt chẽ về mặt lịch sử giữa Phật giáo với chế độ quân chủ, và sự bảo trợ của nhà nước đối với Phật giáo trong một loạt các quốc gia và nền văn hóa khác nhau đã gây khó khăn cho Phật giáo trong việc chỉ trích trực tiếp và công khai về chiến tranh và bạo lực.[8]Nhà hoạt động xã hội và bình luận SulakSivaraksa đồng tình với giả thuyết này, và cho rằng "Phật giáo, theo cách thế mà nó đang được hành trì tại hầu hết các nước châu Á hiện nay, chủ yếu phục vụ sự hợp pháp hóa chế độ độc tài và các tập đoàn đa quốc gia" (1992). Neumaier kết luận bài viết của mình ở Sri Lanka và Tây Tạng bằng cách gợi ý rằng trong thực tế Phật giáo có một lịch sử của "những cơ hội bị đánh mất" cho việc kiến tạo hoà bình.

Rõ ràng những góc nhìn trái ngược nhau này đại diện cho hai phía của một vấn đề rộng lớn: một phía với cái nhìn lý tưởng về những người phật tử và Phật giáo, phía kia lại đi tìm ra các ví dụ tồi tệ nhất và phá hoại nhất của hành vi Phật giáo. Sau đó làm thế nào hai phía đại diện này so sánh với những tình huống thực tế của những xung đột đang diễn ra?Ở Nepal chúng ta có thể thấy Phật giáo đang được sử dụng bởi các nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo ở cấp quốc gia để nhấn mạnh bản chất hoà bình và tương lai của một quốc gia hồi phục sau một thập kỷ nội chiến kéo dài. Lumbinias, nơi Đức Phật đản sinh đang được phát triển như một khu bảo tồn và "khu vực hòa bình", và trong khi hình ảnh và biểu tượng Phật giáo đã luôn luôn được sử dụng để tạo dựng Nepal như một Phật tử, "du lịch tâm linh" một lần

7. Tham khảo Neunaier in Coward & Smith 2004: 86-7; Romberg, Claudia in Gort, Jansen and Vroom 2002: 176-85

8. Tham khảo Juergensmyer in Jerryson & Juergensmyer 2009: Introduction.

nữa lại khuyến khích mọi người đến thăm các địa điểm Phật giáo như Boudha và Swayambhuto để có trải nghiệm "đích thực" về Phật giáo hòa bình.Cùng lúc đó, những người Phật giáo Tây Tạng phản đối về việc Trung Quốc chiếm Tây Tạng cũng phải đương đầu gay gắt với các nhà chức trách Nepal dưới áp lực của chính phủ Trung Quốc. Nhóm dân tộc chủ yếu là Phật giáo như Tamang cũng hỗ trợ cuộc nổi dậy của những người theo chủ nghĩa Mao và chiến đấu trong cuộc đấu tranh vũ trang chống lại chính phủ Nepal. Hơn nữa, trong khi Phật giáo luôn là đại diện cho nhiều cồng động tín ngưỡng đa đức tin và nhiều cơ quan và tổ chức Phật giáo phi chính phủ có liên quan đến những việc nhân đạo, thì sự việc đáng lưu ý là việc không tham gia trực tiếp của Phật giáo trong tiến trình hòa bình quốc gia hoặc trong các nỗ lực hòa giải. Chỉ với một số ít đại diện Phật giáo hoặc tiếng nói mạnh mẽ, hầu hết các sáng kiến chủ động kiến tạo hòa bình ở cấp độ quốc gia đều xuất phát từ các cộng đồng *Tiểu thừa* (Levine & Gellner, 2007) trái ngược với Phật giáo Newar bản địa hoặc Tây Tạng.

Vai trò của Phật giáo trong cuộc xung đột Sri Lanka cũng không kém phần phức tạp, Phật giáo vừa được xem là tác nhân gây xung độtvừa có các hành động hòa giải.Sự ràng buộc Phật giáo với nhà nước cũng đã được ghi nhận trong biên niên sử thế kỷ thứ sáu Mahavamsa[9], và đã làm cho một số Phật tử nhìn thấy đảo Sri Lanka như là một "miền đất hứa" của các Phật tử (Bartholomeusz, 2002).Kết quả là trong lịch sử có những tu sĩ Phật giáo được bầu vào quốc hội với mong muốn thành lập một Vương quốc Phật giáo ở Sri Lanka. Frydenlund cũng đã phát hiện mối quan hệ qua lại phức tạp giữa các tu sĩ và binh lính, trong đó các tu sĩ thực hiện nghi thức "hộ trì" để bảo vệ binh lính trước khi tham chiến (Tikhonov & Brekke, 2012).Hayward đã ghi nhận sự bất xứng giữa sự hỗ trợ các nỗ lực quân sự trong lĩnh vực công chúng và vai trò tích cực hơn của tăng lữ Phật giáo nói riêng và ở cấp cơ sở (Sisk, 2011).Phật tử đã tham gia vào việc giải quyết tranh chấp và hòa giải cộng đồng, xây dựng hoà bình và hòa giải trong bối cảnh cuộc nội chiến đẫm máu, hỗ trợ các nỗ lực nhân đạo và phát triển. Phật giáo khuyến khích các tổ chức như Sarvodayathực hiện những việc cần thiết và đầy cảm hứng, và những nhà Phật giáo có ảnh hưởng đóng vai trò nổi bật trong các sáng kiến đa đức tin như Hội nghị tôn giáo và Hội đồng Tôn giáo vì hòa bình Sri Lanka, tích cực vận động các lãnh

9. Tham khảo một ví dụ ở Tambiah 1992; Deegalle 2006

đạo chính trị Sri Lanka bày tỏ công khai sự phản đối về bất công và bạo lực (Perera, 2012).

Một trong những xung đột nổi tiếng liên quan đến Phật giáo là cuộc xung đột giữa Trung Quốc và Tây Tạng. Phật giáo là nền tảng cho sự phản đối bất bạo động của Đức Đạt Lai Lạt Ma đối với sự chiếm đóng Tây Tạng của Trung Quốc, nhờ đó mà ông đã nhận được sự công nhận và ca ngợi rộng rãi của quốc tế, trong đó có giải Nobel Hòa bình vào năm 1989. Tuy nhiên, sự liên kết chặt chẽ giữa Phật giáo và bản sắc dân tộc Tây Tạng cũng có thể được xem là có ảnh hưởng xấu đến người Tây Tạng. Như McLagan đã lưu ý"bằng cách xây dựng người Tây Tạng như những người mang một nền văn hóa đang bị đe dọa, đồng thời lại nâng họ lên đến mức độ giác ngộ, vì thế họ ít có cơ hội để trở thành một người bình thường, có rất ít chính trị gia có thể ứng phó một cách sáng tạo với những thay đổi của hoàn cảnh lịch sử" (1997).Hơn nữa,

> có nhiều người theo chủ nghĩa dân tộc Tây Tạng, ở bên trong và bên ngoài của Tây Tạng, cảm thấy rất khó chịu với với chủ nghĩa dân tộc tôn giáo và cảm thấy không thoải mái để tự mình xác lập với cộng đồng đạo đức được định nghĩa bởi Kinh cầu nguyện và Quốc ca. Họ cho rằng Phật giáo không cần phải giữ vai trò lớn đến thế trong các tổ chức chính trị Tây Tạng, và rằng tình trạng khó khăn của Tây Tạng phần lớn là do Phật giáo và thông điệp bất bạo động của mình, vàđiều này được xem có khả năng gây tổn hại nặng nề cho tương lai của Tây Tạng (Dreyfus, 2005).

Mối liên kết chặt chẽ giữa bối cảnh dân tộc, văn hóa/tôn giáo Tây Tạng, và Đạt Lai Lạt Ma đã lên án một khía cạnh của mối quan hệ này đã dẫn đến những cáo buộc nghiêm trọng đối với những người khác, và nó đã gợi ý rằng chính quyền Trung ương Tây Tạng đã cố ý sử dụng mối quan hệ này để đàn áp những bất đồng chính kiến chống lại chiến lược đối kháng bất bạo động, với sự khác biệt giữa các cá nhân hoặc tổ chức so với quan điểm "chính thống"và quan điểm này bị chỉ trích là phản tác dụng để đạt được "tự do" cho Tây Tạng và người Tây Tạng (Ardley, 2000).Ngoài ra, sự đấu đá nội bộ trong các cộng đồng Tây Tạng gây ra bởi chủ nghĩa bè phái Phật giáo với tranh chấp về việc

lựa chọn Đại Bảo Pháp vươngthứ 1710 (Terhune 2004). Tình hình trở nên phức tạp hơn bởi hàng loạt báo cáo đáng lo ngại của hơn một trăm vụ tự thiêu xảy ra trong thời gian từ năm 2009-2013,11 và với các lý do dễ hiểu người ta đã tranh luận đối với người Tây Tạng lưu vong thì việc tự thiêu có thể được xem như là một hình thức bạo lực hay không, trong khi chính phủ Trung Quốc tuyên bố đó là một hành động bạo lực và nhiều người Tây Tạng lưu vong ở tại Trung Quốc bác bỏ điều này.12

Sự phức tạp và mơ hồ

Chúng ta dĩ nhiên có thể thấy các ví dụ so sánh sự phức tạp và xung đột trong lịch sử ở các nước Phật giáo và các nền văn hóa ở khắp Châu Á. Vì vậy, trong khi các nghiên cứu về xung đột haykiến tạo hoà bình của Phật giáo có xu hướng hướng tới một cực đoan này hay một cực đoan khác, chúng ít có giá trị trong việc giúp hiểu biết và đối phó mang tính xây dựng với tình huống thực tế của cuộc xung đột và tranh chấp. Vì thế vẫn còn câu hỏi sau đó là làm thế nào để chúng taxử lý và đối phó với sự phức tạp này?Để giúp trả lời câu hỏi này, và cuối cùng là nâng cao về lý thuyết và thực hành xây dựng hoà bình Phật giáo, chúng ta sẽlồng bối cảnh cuộc tranh luận này vào trong lĩnh vực rộng hơn của tôn giáo và xây dựng hoà bình.

Trong những năm gần đây trong khi tôn giáo đang nhận được nhiều sự chú ý tiêu cực, [13]thì các học giả và hành giảhòa bình không ngừng

10. Sau khi Đại Bảo Pháp Vương thứ 16 qua đời, có hai ứngviên từ các giáo phái đối lậpđược đề bạtcho vị trí củaNgài nên đã dẫn đến nhiều cuộc tranh luận gay gắt.

11. Chiến dịch Quốc Tế vì Tây Tạng, "Tự thiêu ở Tây Tạng" 19/12/ 2013. https://www.savetibet.org/resources/fact-sheets/self-immolations-by-tibetans/. Tham khảo thêm ở McGranahan, Carole and Litzinger, Ralph."Tự thiêu đễ phản đối ở Tây Tạng"." Fieldsights - Hot Spots, Cultural Anthropology Online, April 09, 2012. http://www.culanth.org/fieldsights/93-self-immolation-as-protest-in-tibet.

12. Rekjong, Dhondup Tashi, "Online Debates among Tibetans in Exile," *Fieldsights - Hot Spots, Cultural Anthropology Online* (2012,) http://www.culanth.org/fieldsights/112-online-debates-among-tibetans-in-exile

13. Tham khảo ví dụ ở: McTernan, Oliver 2003; Al-Rasheed, Madawi & Shterin, Marat. 2009.

ghi nhận sự đóng góp nguồn lực đáng kể của tôn giáo cho hòa bình,[14] và làm thế nào các tổ chức tôn giáo, cộng đồng tôn giáo, và các cá nhân lấy cảm hứng từ tôn giáo đã đóng góp tích cực để xây dựng hòa bình và các tiến trình phát triển trước và sau xung đột (Haynes 2007; Clarke & Jennings 2008). Đã có hai đóng góp đáng kể trong đó đã giúp phân định và tóm tắt các phát triển (và thiếu sót) về lý thuyết và thực tế trong lĩnh vực xây dựng hoà bình tôn giáo.Katrien Hertog trong tác phẩm quan trọng *"Thực tế phức tạp của việc xây dựng hòa bình tôn giáo"* (2010) đã đưa ra một tóm tắt toàn diện về những nghiên cứu trước đây rằng "thảo luận về việc xây dựng hòa bình bởi các hành giả và học giả thường vẫn ở trạng thái bề nổi, và sự phân tích tổng hợp liên kết trong lĩnh vực này vẫn đang tụt hậu so với thực tiễn". Trong nỗ lực sửa chữa khiếm khuyết này, Hertog đề ra một "mô hình khái niệm" cho việc xây dựng hòa bình tôn giáo và áp dụng chúng vào phân tích tiềm năng xây dựng hòa bình ở một nhà thờ chính thống Nga. Atalia Omer trong bài báo gần đây *"Xây dựng hòa bình tôn giáo: điều kỳ thú, điều tốt và điều kịch tính"* đã sử dụng nhận thức uyển chuyển hơn về các thành phần rời rạc làm cơ sở cho những giả định tiềm ẩn trong nghiên cứu lĩnh vực này, và cô lưu ý rằng các thành phần này nếu không được kiểm soát sẽ dẫn đến việc duy trì những thể loại bất công bình về cấu trúc và văn hóa mà chúng ta phải đối đầu.

Hai học giả xuất sắc này đã nhận ra rằng phần lớn nghiên cứu trong lĩnh vực này dựa trên nền tảng tác phẩm *"Xung đột trong tư tưởng của sự thiêng liêng thần thánh"* của Appleby.Như chính tiêu đề của nó, tác phẩm này chứa đựng sự xung đột trong tư tưởng cố hữu trong mọi tôn giáo và là tiền đề cho sự nảy sinh bạo lực và hòa bình.Tác phẩm *"Ở giữa thiên đàng và tận thế"* (2000) của Marc Gopin xuất bản cùng năm với nghiên cứu của Appleby cũng được công nhận có giá trị ảnh hưởng ngang bằng trong lĩnh vực này. Đây là tác phẩm đầu tiên hứa hẹn sự phát triển của việc xây dựng hòa bình tôn giáo với một lĩnh vực đã được thiết lập của sự dung giải xung đột. Chúng ta cũng có thể kể đến những đóng góp quan trọng và có tính ảnh hưởng cao của Johnston và Sampson (1994); John Paul Lederach (1997); Gort, Jansen và Vroom (2002); Mohammad Abu-Nimer (2003); Coward và Smith (2004); David Little (2007); Toft, Pilpott và Shah (2011).

14. Appleby 1999; Gopin 2002; Coward & Smith 2004; Hertog 2010

Điểm chung của các nghiên cứu này là loại bỏ khuynh hướng tiêu cực xem các truyền thống tôn giáo giống như những miếng đá tảng không chút suy chuyển, hoặc khuynh hướng trọng tâm hóa những quan điểm tôn giáo vào bạo lực và hòa bình. Gopin nói rằng

> *trong những tình huống xung đột thực tế, chúng ta phải ưu tiên cho phương pháp quy nạp bao gồm những điều tra thực nghiệm về bối cảnh xung đột, lắng nghe những nhu cầu thể hiện thông qua xung đột và rồi khám phá ra các ý tưởng tôn giáo, các giá trị và các thể chế có thể phù hợp với việc giải quyết cảnh xung đột đó (2000).*

Tương tự, Hertog tranh luận rằng

để phát triển nội tại tăng thêm giá trị của một hành giả tôn giáo nào đó trong một tình huống xung đột nào đó, cần phải có kiến thức sâu rộng về cả tình huống xung đột lẫn các truyền thống cũng như các tổ chức tôn giáo để đưa ra những phương cách tối ưu mà tôn giáo có thể đóng góp vào tiến trình xây dựng hòa bình (2010).

Tuy nhiên có rất ít chi tiết thực tế và đích xác về tính phức tạp có thể có của nhiệm vụ này hoặc những ví dụ điển hình về phân tích hoàn cảnh cụ thể. Phần lớn những nghiên cứu hiện tại có khuynh hướng liệt kê một danh sách chung chung về những cách thức và nguồn lực cần thiết cho việc tiến hành xây dựng hòa bình tôn giáo. Nguồn lực tôn giáo cho việc xây dựng hòa bình có thể xem như bao gồm: sự đa dạng và cảm hứng nội tâm, các giáo điều thần học, các nghi thức tôn giáo, mạng lưới và cấp bậc gia tăng ủng hộ, sự trao quyền và bình đẳng, sự huy động các nguồn tài chính thiết thực hỗ trợ cho việc hòa giải và xây dựng hòa bình. Tương tự như vậy, vai trò tiềm năng của các hành giả tôn giáo đã được xác định như là những nhà đàm phán, nhà hòa giải, nhà trợ giúp, nhà quan sát, nhà giáo dục, nhà ủng hộ, nhà tiên tri hoạt động như cơ chế cảnh báo xung đột (Appleby 2000 & Sampson 2007). Hơn nữa, người ta còn cho rằng hành giả tôn giáo có thể đóng góp tích cực ở mọi giai đoạn và cấp độ của xung đột của tiến trình xây dựng hòa bình (Hertog 2010).

Những nghiên cứu có tính chuyên sâu hơn hầu như mang tính hoài cổ, không mang tính dự đoán và có khuynh hướng thuần mô tả, thường là những ví dụ đơn lẻ của xây dựng hòa bình mang tính đối

phó, không mang tính chiến lược, không có chủ hướng toàn diện.[15] Các loại nghiên cứu này có rất ít giá trị trong nỗ lực nhận diện và đánh giá hiệu quả của các nguồn xây dựng hòa bình tôn giáo cho một xung đột nào đó, có rất ít giá trị trong việc thiết kế và thi hành sự can thiệp vào một hoàn cảnh nào đó, hoặc trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức mô hình phân tích các nghiên cứu này. Mặc dù trong những năm gần đây rất nhiều "công cụ" được đề xuất để phân tích xung đột và chúng thường được sử dụng bởi các hành giả xây dựng hòa bình để nhận diện vấn đề và tiềm năng trong một tình huống xung đột nào đó,[16] nhưng những công cụ này lại rất ít được thừa nhận và sử dụng trong các nghiên cứu xây dựng tôn giáo, ngoại trừ vận dụng đáng chú ý của Hertog về một "kiến trúc xây dựng hòa bình" để "sàng lọc" những nguồn lực và tiềm năng xây dựng hòa bình ở nhà thờ Nga. Điều này chắc chắn rằng sẽ rất hữu ích cho các cuộc tranh luận, nhưng nó chỉ tập trung vào một truyền thống tôn giáo nào đó mà không nỗ lực quan tâm đến những khác biệt phức tạp tồn tại trong một xung đột cụ thể hoặc một ngữ cảnh cụ thể nào đó.

Xem xét cơ cấu phân tích ngữ cảnh của xây dựng hòa bình Phật giáo

Như vậy dạng cơ cấu nào có thể được sử dụng để phân tích tiềm năng xây dựng hòa bình Phật giáo trong bất kỳ bối cảnh nào?Trong phần này tôi sẽ đề ra một cấu trúc khả dĩ trước khi tiếp tục nêu ra những thuận lợi vô song của việc phát triển một phương pháp như vậy, và nhận diện những vấn đề liên quan cần phải được bàn luận và tìm hiểu hơn nữa. Trước khi bắt đầu, điều quan trọng cần chỉ ra là mặc dù vì những lý do hiển nhiên mà tôi tập trung vào Phật giáo, phần lớn phân tích này đều bình đẳng nói về "tôn giáo" nói chung bởi vì các khái niệm và ý tưởng thảo luận ở đây luôn được sử dụng uyển chuyển. Hơn nữa, tôi cũng muốn nói rằng rất hiếm khi đạo Phật tham gia trực tiếp vào một xung đột hoặc xung đột khi không tồn tại các tôn giáo khác. Do đó chúng ta phải nhớ rằng các phương pháp 'xây dựng hòa bình Phật giáo' cần phải phù hợp với tiến triển và sự tương tác tồn tại trong các tình huống xung đột và việc kiến tạo hòa bình mà những tôn

15. Tham khảo ví dụ ở Coward and Smith 2004; Little 2007.

16. Tham khảo 'Conflict Analysis Tools'. http://www.conflictsensitivity.org/node/81

giáo khác áp dụng.

Trong nỗ lực hình thành và lắp ghép một cấu trúc phân tích, chúng ta không cần phải tạo ra phiên bản mới của những công trình có sẵn trong lĩnh vực xây dựng hòa bình tôn giáo, phân tích và đánh giá xung đột; và lý thuyết cũng như thực tế của xây dựng hòa bình thông thường có thể cung cấp một nền tảng vững chắc cho sự phát triển sau này. Người ta chấp nhận rộng rãi rằng những nỗ lực thiết kế và hình thành các can thiệp mang tính xây dựng và tích cực của xây dựng hòa bình đòi hỏi sự hiểu biết thấu đáo về bối cảnh xung đột, bản chất và nguyên nhân của xung đột. "Để hiểu về xung đột chúng ta bắt buộc phải xem xét nguồn gốc của chia cắt và thù địch để nhận dạng những giai đoạn tiến triển trong quan hệ giữa hai bên và để làm sáng tỏ sự leo thang đấu tranh giữa họ" (Ho-Won Jeong, 2008). Đồng quan điểm này, Freemen và Fisher (2012) thừa nhận rằng để đánh giá hiệu quả về xung đột đòi hỏi sự xem xét về mức độ, giai đoạn, bối cảnh, các bên, động lực và nguồn gốc của xung đột. Để tổng hợp các yếu tố từ một số 'mô hình đánh giá xung đột', Mathew Levinger đưa ra 'quy trình bốn bước' bao gồm việc phân tích: 'ngăn cách và kết nối', 'các bên xung đột', 'động cơ của xung đột và hòa bình', và 'dấu hiệu của quỹ đạo xung đột' (2013).

Tôi cho rằng chúng ta không thể và không cần thiết phải giải thích chi tiết từng bước trên của Levinger. Tuy nhiên điều cần nhấn mạnh là sự thành công của can thiệp xây dựng hòa bình trực tiếp tương ứng với mức độ hiểu biết nguyên nhân xung đột, và dĩ nhiên tôi không chỉ nói tới những lý do rõ ràng của xung đột mà là những vấn đề ẩn giấu bên trong, sự bất bình đẳng và sự đánh giá bất công – những điều thường dẫn tới phẫn uất và bạo lực. Vì mục đích của nghiên cứu này, sự hiểu biết sâu sắc về bối cảnh là cần thiết để đưa đạo Phật vào giải quyết xung đột một cách hiệu quả. Điều này sẽ dẫn chúng ta tới bước tiếp theo để xây dựng một cấu trúc bao gồm sự phân tích sâu sắc về việc đạo Phật được hiểu như thế nào và chức năng vai trò của đạo Phật trong bối cảnh cụ thể nào đó. Bất cứ ai với một chút ít kiến thức về Phật giáo đều thừa nhận rằng đạo Phật đã phát triển những truyền thống và sự hiểu biết trong rất nhiều nền văn hóa và đất nước, và chúng ta bắt buộc phải biết được đạo Phật được hiểu và ảnh hưởng như thế nào trong xung đột mà chúng ta đang nghiên cứu. Đây là sự khởi đầu quan trọng và sống còn cho những nghiên cứu lớn hơn về xây dựng hòa

bình tôn giáo hoặc những trường hợp nghiên cứu nỗ lực liên hệ kết quả của một nghiên cứu đến tất cả những ngữ cảnh khác.

Do đó giai đoạn này yêu cầu sự xem xét về: những khái niệm và tư tưởng nổi bật của Phật giáo trong một cộng đồng hay xã hội nào đó, mối quan hệ giữa Phật giáo và người dân trong xã hội đó, mối liên kết giữa Phật giáo và nhà nước bao gồm cả chính trị và thể chế chính phủ, các hệ phái, hệ thống cấp bậc trong tăng đoàn, tính hợp pháp và uy quyền của các nhà hoạt động tôn giáo trong xã hội, sự tương tác và mối quan hệ với các truyền thống tôn giáo, các phương pháp truyền thống giải quyết và hòa giải xung đột, vai trò của lễ hội và nghi thức trong các phương pháp hòa giải, sự tồn tại của các cá nhân hoặc thành phần cực đoan, mối quan hệ hay ảnh hưởng của các nhà hoạt động tôn giáo bên ngoài bối cảnh đó. Mặc dù chưa hoàn toàn thấu đáo nhưng bảng liệt kê này sẽ đưa ra những chỉ báo về độ sâu của kiến thức và sự hiểu biết cần phải có. Lisa Schirch nhấn mạnh rằng "Nếu người thực hiện việc đánh giá xung đột không có một kiến thức sâu rộng về ngôn ngữ địa phương, về nền văn hóa và sự biến động của kinh tế chính trị trong bối cảnh đó thì kết quả đánh giá có thể không giúp được cho quá trình lên kế hoạch (2013). Tôi có thể nói rằng việc xây dựng và hiểu biết sự biến động phức tạp mà Schirch đề cập là một phần của quá trình đánh giá xung đột. Tuy nhiên tôi muốn bổ sung rằng điều kiện tiên quyết là những kiến thức có sẵn về văn hóa, truyền thống, hành trì của tôn giáo mà ở đây là Phật giáo.

Một điều quan trọng cần nhắc đến là ở giai đoạn phân tích này bắt buộc chúng ta phải nhận thức đầy đủ về những khía cạnh tiêu cực của Phật giáo đối với bối cảnh đang nghiên cứu và tìm ra những rào cản xây dựng hòa bình nếu có; và vì một số lý do nào đó theo kinh nghiệm của tôi thì đây là lĩnh vực mà các nhà hoạt động tôn giáo thường né tránh đề cập đến. Trở về trường hợp nghiên cứu của chúng ta, ví dụ như Phật giáo có thể không cần thiết hiển nhiên là một thành phần chính trong xung đột ở Nepal, sự tham gia chủ động của Phật giáo trong tiến trình hòa bình bị cản trở bởi một số nhóm thiểu số sát nhập với Phật giáo: sự phản đối tôn giáo của người theo chủ nghĩa Mao và việc "dán nhãn" Nepal như là một vùng dân chủ của những người phi tôn giáo.

Giai đoạn tiếp theo của tiến trình là xây dựng "chương trình hòa bình" hoặc sơ đồ hóa những hoạt động và nhà hoạt động có sẵn của

tiến trình xây dựng hòa bình. Điều quan trọng là phải bảo đảm rằng mọi công việc dự định cho xây dựng hòa bình thực hiện bởi Phật giáo đóng góp và phát triển những nỗ lực sẵn có, tránh việc lặp lại hoặc đối kháng với những gì có sẵn. Tác phẩm *"Đánh giá tác động của xung đột và hòa bình"* đưa ra bốn lĩnh vực mà chương trình hòa bình cần tập trung vào: 'những nỗ lực hiện tại của tiến trình hòa bình', 'cấu trúc hòa bình và các tiến trình đang thực hiện', 'những rào cản trong xây dựng hòa bình', và 'những hỗ trợ của xây dựng hòa bình'. [17]Một phần của quá trình này là chúng ta cần phải đặc biệt chú trọng đến những gì các nhóm và các tổ chức Phật giáo đang thực hiện nhằm mục đích nhận dạng và học hỏi từ những thực tiễn tối ưu, xác định những cơ hội liên kết chia sẻ kiến thức và tài nguyên.

Giai đoạn cuối cùng của quá trình đánh giá và phân tích là kết hợp những tiềm năng và tài nguyên có sẵn với những nhu cầu xây dựng hòa bình được nhận dạng ở giai đoạn 3.Đây là giai đoạn chúng ta có thể dựa trên những nghiên cứu có sẵn về xây dựng hòa bình tôn giáo và không luôn cho rằng mọi hình thức xây dựng hòa bình của đạo Phật đều có liên quan và hiệu quả trong mọi tình huống.Ví dụ như trong các nghiên cứu về xây dựng hòa bình tôn giáo, các nhà lãnh đạo tôn giáo lúc nào cũng được xem như có tính ảnh hưởng rất cao.[18]Thật ra điều này có thể xảy ra ở những tôn giáo và xã hội vốn có các cấu trúc cấp bậc hơn là bối cảnh tôn giáo phức tạp và căng thẳng như ở Nepal (Owen & King, 2013). Các lĩnh vực tiềm năng của xây dựng hòa bình Phật giáo có thể bao gồm: quyền năng của các lời kinh lời dạy tôn giáo, sự lãnh đạo các cấp của tăng đoàn, các nghi thức hòa giải cá nhân và cộng đồng, các nguồn tài nguyên cà cấu trúc thực tiễn, xây dựng hòa bình bản địa và các phương tiện hòa giải tranh chấp. Tuy nhiên, cần nhắc lại rằng không phải tất cả điều này đều liên đới và hiệu quả trong mọi hoàn cảnh và tiến trình đánh giá xung đột ở đây cần được hỗ trợ để nhận ra những điều nào mang nhiều cơ hội thành tựu nhất.

Một vài xem xét cần được bổ sung có liên quan đến việc xây dựng tiến trình đánh giá và phân tích tập trung chủ yếu vào Phật giáo. Như

17. Tham khảo ở PCIA Handbook v4, 2013, 'Step 3: Peace Profile' - *peacebuildingcentre.com/pbc_documents/PCIA_HandbookEN.pdf*

18. Tham khảo ví dụ ở See Appleby 2000; Gopin 2000; Hertog 2010

Katrient Hertog đã nhấn mạnh: "vì một số lý do nào đó mà tôn giáo đã bị lờ đi trong việc thiết kế chính sách và ra quyết định có liên quan đến chính trị quốc tế hay các tiến trình xây dựng hòa bình, và điều này đã dẫn đến những kết quả tiêu cực"(Hertog 2010 & Gopin 2000). Kết quả là đa số các đánh giá xung đột xem tôn giáo là một phần của dân chúng và gắn kết với họ ở mức độ khá hời hợt.Họ đã lờ đi những chứng cớ cho thấy tôn giáo có một đóng góp nhất định cho các tiến trình hòa bình và hòa giải xung đột. Thay vào đó một cấu trúc chú trọng vào xây dựng hòa bình Phật giáo cần bảo đảm rằng các Phật tử có được cơ hội thể hiện chính họ theo cách của họ. Nghĩa là Phật tử không nên được yêu cầu hoặc khuyến khích sử dụng những thuật ngữ chung về xây dựng hòa bình (điều rất hay xảy ra) mà họ cần được cho phép sử dụng những hiểu biết của họ dựa trên những khái niệm, niềm tin và ngôn ngữ Phật giáo. Điều này thường bị hiểu lầm bởi các tổ chức rằng các nhóm người tôn giáo chỉ cần được liên đới khi họ là một phần rõ ràng của xung đột. Điều này đã lờ đi những bằng chứng cho thấy tôn giáo có thể đóng một vai trò then chốt trong việc hòa giải xung đột trong những tình huống mà tôn giáo không phải là một phần của vấn đề hay bạo lực (Bouta, 2005); và cấu trúc được trình bày ở đây có thể được sử dụng để đánh giá tiềm năng của xây dựng hòa bình Phật giáo trong mọi bối cảnh xung đột.

Tầm quan trọng của việc đánh giá xung đột trong toàn bộ tiến trình ngày càng được công nhận."Việc đánh giá xung đột như một phần của tiến trình mang rất nhiều lợi ích cho cả chất lượng phân tích và tiềm năng đóng góp vào các giải pháp.Hơn nữa những đề xuất sẽ dễ được thực thi hơn nếu những thành phần địa phương được tham gia trong quá trình đánh giá và xây dựng giải pháp" (Freeman & Fisher 2012). Để thực hiện những phân tích như vậy chúng ta phải bảo đảm rằng Phật tử mọi tầng lớp xã hội (mà không chỉ những nhà lãnh đạo tôn giáo hay tăng chúng) được trao cơ hội đóng góp vào tiến trình. Hơn nữa, quá trình đánh giá này có thể được thực hiện trong mọi viễn cảnh của mọi tầng lớp xã hội và do đó nó được áp dụng một cách công bằng vào những tranh chấp và căng thẳng cơ bản như những xung đột ở cấp độ quốc gia, quốc tế và vùng. Điều này có nghĩa là kiến thức về khái niệm và truyền thống Phật giáo là cần thiết.Người Phật tử thực hiện việc đánh giá xung đột cần có kiến thức cơ bản và cần được huấn luyện trong lĩnh vực này nếu họ muốn tránh những phê bình về xây dựng hòa bình tôn giáo một cách ngây thơ và thiếu chuyên nghiệp.

Cuối cùng là các bằng chứng khi xem lại các tài liệu về xây dựng hòa bình Phật giáo cho thấy có sự thiếu sót trong sự rõ ràng, nhất quán của các khái niệm và thuật ngữ trọng yếu. Ví dụ như trong những thể hiện truyền thống của đạo Phật chủ yếu nhấn mạnh vào sự an bình nội tại, điều cần khám phá là những sứ giả hoà bình Phật tử nhìn nhận "hòa bình" khác như thế nào so với những sứ giả hòa bình là người phi tôn giáo. Còn một điều gây tranh cãi nữa là cụm từ "xây dựng hòa bình Phật giáo" chỉ liên quan đến việc xây dựng hòa bình giữa những người Phật tử hay là có thể mở rộng tác động và liên quan đến những người không phải là Phật tử mà không ánh mất những giá trị đặc biệt chỉ có trong Phật giáo.

Kết luận

Xây dựng hòa bình Phật giáo và sự biến đổi xung đột (cùng với xây dựng hòa bình tôn giáo) vẫn đang ở trong giai đoạn ban đầu và do đó hiện tại đang thiếu sự tinh tế và tính phân tích chính xác. Bản chất của xung độtluôn phức tạp và sự phản ứng của chúng ta đối với xung đột phải theo kịp sự phức tạp đó. Như Satha Ana nhấn mạnh "Ngữ cảnh Phật giáo thoạt đầu có vẻ thuận lợi cho việc xây dựng hòa bình, nhưng nó có thể dễ dàng dẫn tới nguy cơ lớn của sự thất bại" (Mun, 2007). Mặc dù Phật giáo nắm trong tay một nguồn giáo lý dồi dào cho việc xây dựng hòa bình, tiền năng này cũng không nên được sử dụng một cách mặc nhiên."Khi phản ánh lên những khả năng của xây dựng hòa bình tôn giáo, chúng ta phải chú ý đến tính ban sơ của chúng. Xây dựng hòa bình tôn giáo là một hiện tượng không có những bằng chứng tự thân, không rõ ràng và không thể quản lý một cách nghiêm ngặt" (Hertog 2010: 118). Chúng ta cần có những việc làm đáng kể hơn nữa để hệ thống hóa lĩnh vực nghiên cứu này và làm rõ những khái niệm thuật ngữ trọng yếu. Mặc dù chất lượng công việc trong lĩnh vực này đôi khi có thể mang nghĩa đen là sự khác biệt giữa sự sống và cái chết, hầu hết Phật tử liên quan đến xây dựng hòa bình đều cố gắng để được thông tin đầy đủ và hệ thống hóa càng nhiều càng tốt, và tránh những rủi ro ngẫu nhiên xảy đến cho việc xây dựng hòa bình.

Trong khuôn khổ bài viết này, tôi đã nỗ lực ra khỏi sự đối lập hoa mỹ và đã tranh luận rằng những khuôn mẫu của Phật tử như thể dạng nguyên mẫu hoàn hảo của đức hạnh, hoặc sự tàn ác của kẻ hiếu chiến không hiểu biết và không có ích trong việc ứng xử mang tính xây

dựng với những xung đột thực tế phức tạp. Tôi cũng đã trình bày rằng những nghiên cứu trong xây dựng hòa bình tôn giáo và việc đánh giá xung đột cho thấy sự nhấn mạnh lên hiểu biết về bối cảnh xung đột sẽ tăng cường một cách kịch tính toàn cảnh của sự can thiệp xây dựng hòa bình hiệu quả và lâu dài. Cũng với ý này, mặc dù chưa thấu đáo hoàn toàn, tôi cũng nỗ lực liệt kê ra cấu trúc phương pháp bốn giai đoạn phân tích tiềm năng của xây dựng hòa bình Phật giáo trong mối liên quan đến một bối cảnh xung đột nào đó. Quy trình này cần phải có: 1) một sự đánh giá bao trùm các tác nhân xung đột, các mối quan hệ và động lực; 2) một sự phân tích sâu sắc vai trò và chức năng của Phật giáo trong bối cảnh xung đột; 3) sự nhận dạng những mảng tồn tại và tiềm tàng của xây dựng hòa bình; 4) kết nối những nguồn tài nguyên và kĩ năng Phật giáo với những nhu cầu và cách biệt của việc xây dựng hòa bình.

Để kết luận, Eva Neumaier đề nghị rằng trong đoạn phân tích cuối cùng "Phật tử giống như những người nắm trong tay công cụ giải thoát nhưng đã quên cách sử dụng chúng như thế nào" (Coward & Smith 2004).Bài viết này cố gắng giúp hồi phục trí nhớ đó và đóng góp một phần nhỏ phát triển lý thuyết và thực hành của xây dựng hòa bình Phật giáo - điều mang lại tiềm năng ảnh hưởng tích cực lên sự thành tựu của "Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abu-Nimer, Mohammed. 2010*. Peace-building by, Between, and Beyond Muslims and Evangelical Christians*. Lexington Books.

Al-Rasheed, Madawi&Shterin, Marat. 2009. *Dying for Faith*. I. B. Tauris.

Appleby, Scott. 1999. *The Ambivalence of the Sacred: Religion, Violence and Reconciliation*. Carnegie Commission on Preventing Deadly Conflict.

Ardley, Jane. 2000. *Violent Compassion: Buddhism and Resistance in Tibet*. Paper for the Political Studies Association-UK 50th Annual Conference.

Bartholomeusz, Tessa. 2002. *InDefense of Dharma*. RoutledgeCurzon.

Bouta, Tsjeard; Kadayifci-Orellana, S. Ayse& Abu-Nimer, Mohammed.

2005. 'Faith-Based Peace-Building: Mapping and Analysis of Christian, Muslim and Multi-Faith Actors'. Netherlands Institute of International Relations 'Clingendael' in cooperation with Salam Institute for Peace and Justice, Washington DC.

Chappell, David (ed.) 1999. *Buddhist Peacework: Creating Cultures for Peace.* Wisdom Publications.

Clarke G & Jennings M (ed.s) 2008*. Development, Civil Society and Faith-Based Organizations*. Palgrave MacMillan: New York.

Collier, Paul. 2004. 'Development and Conflict'. www.un.org/esa/documents/Development.and.Conflict2.pdf

Coward, Harold & Smith, Gordon.(ed.s) 2004.*Religion and Peacebuilding*.SUNY Press.

Deegalle, Mahinda. (ed.) 2006.*Buddhism, Conflict and Violence in Modern Sri Lanka.*Routledge.

Der-lanYeh, Theresa. 2006. 'The Way to Peace: A Buddhist Perspective'. *International Journal of Peace Studies,* Vol. 11, No. 1: 91-112.

Dreyfus, Georges. 2005. 'Are We Prisoners of Shangrila?'." *Journal of the International Association of Tibetan Studies,* No. 1: 1-21.

Freeman, Lisa & Fisher, Ronald. 2012. 'Comparing a Problem-Solving Workshop to a Conflict Assessment Framework: Conflict Analysis Versus Conflict Assessment in Practice'. *Journal of Peacebuilding & Development*. Volume 7, Issue 1: 66-80.

Galtung, Johan. 1990. 'Cultural Violence'. *Journal of Peace Research* 27(3): 291-305.

Galtung, Johan. 1993. *Buddhism: A Quest for Unity and Peace*. Honolulu: Dae Won Sa Buddhist Temple.

Gopin, Marc. 2002. *Between Eden and Armageddon: The Future of World Religions, Violence, and Peacemaking*. OUP USA.

Gort, Gerald; Jansen, Henry & Vroom, Hendrik.(ed.s) 2002.*Religion, Conflict and Reconciliation.*Rodopi.

Haynes J. 2007. *Religion and Development: Conflict or Cooperation?* Palgrave MacMillan.

Hertog, Katrien. 2010. *The Complex Reality of Religious Peacebuilding*.

Lexington Books.

Ho-Won Jeong. 2008. *Understanding Conflict and Conflict Analysis*. Sage Publications.

Jerryson, Michael &Juergensmyer, Mark. 2009. *Buddhist Warfare*. Open University Press.

Johnston, Douglas & Sampson, Cynthia. 1994. *Religion, the Missing Dimension of Statecraft.* Oxford University Press.

Lederach, John Paul. 1997. *Building Peace: Sustainable Reconciliation in Divided Societies*. United States Institute of Peace Press.

Lederach, John Paul. 2003. *Conflict Transformation*. Good Books.

Levine, Sarah &Gellner, David. 2007. *Rebuilding Buddhism: The Theravada Movement in Twentieth-Century Nepal*. Harvard University Press.

Levinger, Matthew. 2013 Conflict Analysis: Understanding Causes, Unlocking Solutions. United States Institute for Peace.

Little, David (ed.) 2007.*Peacemakers in Action: Profiles of Religion in Conflict Resolution*. Cambridge University Press.

McConnell, John. 1995. *Mindful Meditation: A Handbook for Buddhist Peacemakers.* Buddhist Research Institute.

McGranahan, Carole. 2005. Truth, Fear, and Lies: Exile Politics and Arrested Histories of the Tibetan Resistance. *Cultural Anthropology,* Volume 20, Issue 4: 570–600.

McLagan, Meg. 1997. 'Mystical visions in Manhattan: deploying culture in the year of Tibet'. In Korom, Frank.J. (ed.) *Tibetan Culture in Diaspora. Papers Presented at a Panel of the 7th Seminar of the International Association for Tibetan Studies*. Verlag Der OsterreichischenAkademie Der Wissenschaften.

McTernan, Oliver. 2003. *Violence in God's Name: The Role of Religion in an Age of Conflict*. Darton,Longman& Todd Ltd.

Morris, Catherine. 2000. *Peacebuilding in Cambodia: The Role of Religion*. Working Paper.

Mun, Chanju (ed.) 2007. *Meditators and Mediators: Buddhism and Peacemaking*. Blue Pine Books.

Neumaier, Eva 2004. 'Missed Opportunties: Buddhism and Ethnic Strife in Sri Lanka and Tibet'.In Coward, Harold & Smith, Gordon. 2004. *Religion and Peacebuilding.* SUNY Press: 69-92.

NikkyoNiwano. 1982. *A Buddhist Approach to Peace.*Kosei Publishing.

Omer, Atalia. 2012. 'Religious Peacebuilding: The Exotic, the Good, and the Theatrical'. *Practical Matters*, Issue 5: 1-31.

Owen, Mark & King, Anna. 2013. *Religious Peacebuilding and Development in Nepal: Report and Recommendations for the Nepal Ministry of Peace and Reconstruction*. University of Winchester.

Perera, Jehan. 2012. 'Peace Building at the Community Level through Interreligious Engagement'. *Dharma World*. http://www.rk-world.org/dharmaworld/dw_2012octdecpeacebuildingatthecommunitylevel.aspx

Ropers, Norbert. 2005. *Conflict Transformation: Reflections on Sri Lanka*. Berghof Research Center for Constructive Conflict Management.

Schirch, Lisa. 2013. 'Conflict Assessment and Peacebuilding Planning: A Strategic, Participatory, Systems-based Handbook on Human Security'. Kumarian Press.

Sisk, Timothy. (ed.) 2011.*Between Terror and Tolerance: Religious Leaders, Conflict, and Peacemaking*. Georgetown University Press.

Sivaraksa, Sulak. 1992(a).'Engaged Buddhism: Liberation from a Buddhist Perspective'.In Cohn-Sherbok, Dan (ed.) *World Religions and Human Liberation.*Orbis Books:

Sivaraksa, Sulak. 1992(b).*Seeds of Peace: A Buddhist Vision for Renewing Society.* Parallax Press.

Sivaraksa, Sulak. 2005. *Conflict, Culture, Change: Engaged Buddhism in a Globalizing World*. Wisdom Publications.

Tambiah, Stanley Jeyaraja. 1992. *Buddhism Betrayed? Religion, Politics and Violence in Sri Lanka.*The University of Chicago Press.

ThichNhatHanh. 1991. *Peace Is Every Step: The Path of Mindfulness in Everyday Life*. Rider.

ThichNhatHanh. 2008. *The World We Have: A Buddhist Approach to*

Peace and Ecology. Parallax Press.

Tikhonov Vladimir &Brekke, Torkel. 2012. *Buddhism and Violence: Militarism and Buddhism in Modern Asia*. Routledge.

Toft, Monica Duffy; Philpott, Danile & Shah, Timothy Samuel. 2011. *God's Century: Resurgent Religion and Global Politics.* W. W. Norton & Company.

Yoichi Kawada. 1999. *From Inner Peace to World Peace: A Buddhist Perspective*. St. Martin's Press.